

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 2

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Trung 2
- Mã học phần:** TTRUNG 005
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 2 (kỳ 1)
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Trung 1
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988900158	nthoa@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu hỏi dùng 吗, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ 的, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền, số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc: 又...又..., 一点儿 và 有一点儿, 还是 và 或者. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	<p>Trình bày kiến thức về các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo. - Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”. 	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	<p>Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống hằng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo.</p>	3	[1.2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	<p>Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.</p>	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được cách phát âm của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu trong tiếng Hán; quy tắc phiên âm; các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán; quy tắc viết chữ Hán.	3	[2.1.2]
CĐR1.2	Liệt kê được các từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Chào hỏi, cảm ơn, hỏi họ tên, hỏi tuổi, hỏi địa điểm, giới thiệu bản thân, đồ ăn, đồ uống, thời gian.	3	[2.1.2]
CĐR1.3	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ vựng trong học phần.	3	[2.1.2]
CĐR1.4	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu hỏi dùng: 吗, 呢, 多.	3	[2.1.2]
CĐR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu: Vị ngữ hình dung từ, vị ngữ danh từ, câu liên động (1), chủ vị, câu chữ 是.	3	[2.1.2]
CĐR1.6	Xác định được ý nghĩa, vị trí đặc điểm của định ngữ và trợ từ kết cấu 的, trạng ngữ, giới từ 在, trợ từ ngữ khí 了.	3	[2.1.2]
CĐR1.7	Trình bày được cách nói số tiền, số tự nhiên, mã số, ngày tháng.	3	[2.1.2]
CĐR1.8	Trình bày được cách dùng: đại từ nghi vấn 什么, 谁, 哪, 哪儿, 几, 怎么; lượng từ 个 và 口, động từ năng nguyện 会 và 想.	3	[2.1.2]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu.	3	[2.2.6]
CĐR2.3	Sử dụng được các từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để đọc hiểu và dịch được nội bài đọc ra tiếng Việt, hoàn thành bài tập.	3	[2.2.6]
CĐR2.4	Viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50 - 80 từ về các chủ đề: Giới thiệu bản thân, giới thiệu người khác, sở thích, mua đồ (đồ ăn, đồ uống, vật dùng hằng ngày).	3	[2.2.6]

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR2.5	Giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[2.2.6]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo.	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ vựng trong học phần.		
CĐR1.3	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ.		
CĐR1.4	Nêu được cấu tạo, cách sử dụng cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, cấu trúc “又... 又...”.		
CĐR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động.		
CDR1.6	Xác định được ý nghĩa, đặc điểm, cách cấu tạo của động từ lặp lại.		
CDR1.7	Trình bày được cách nói giá tiền - số tự nhiên.		
CDR1.8	Phân biệt được cách dùng “在、正、正在”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Biết viết đúng và nhớ mặt chữ, nghĩa các chữ Hán trong học phần.		
CDR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần.		
CDR2.3	Áp dụng các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để diễn đạt ý muốn nói, đặt câu, viết đoạn, dịch bài đọc có liên quan đến kiến thức của học phần đúng và chính xác.		
CDR2.4	Nghe hiểu nội dung về các chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo.	3	[2.2.8]
CDR2.5	Hội thoại, đọc thoại được về chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo.		
CDR2.6	Đọc hiểu được các đoạn văn 80 - 150 từ về các chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo.		
CDR2.7	Sử dụng từ mới và cấu trúc ngữ pháp trong học phần viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50 - 80 từ về các chủ đề: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	hàng ngày, mua quần áo.		
CDR2.8	Trả lời phỏng vấn các thông tin cá nhân, học tập, hoạt động hàng ngày, mua đồ.		
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CDR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm có hiệu quả.		
CDR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	<p>第十三课 这是不是中药?</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习</p>	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	<p>第十四课 你的车是新的还是旧的</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习</p>	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	<p>第十五课 你们公司有多少职员</p> <p>一、课文 二、生词</p>	x	x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	三、注释 四、语法 五、语音 六、练习																				
4	第十六课 你常去图书馆吗? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	第十七课 他在做什么呢? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x			x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	
6	第十八课	x	x			x				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CĐR1								CĐR2								CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	我去邮局寄包裹 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习																				
7	第十九课 可以试试吗 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp, tự luận.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2018), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] - Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển hạ)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- **Tài liệu tham khảo:**

[3] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>第十三课 这是不是中药?</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ“的”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại giới thiệu tên một số đồ vật dùng trong cuộc sống hằng ngày. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 这个黑箱子很重</p> <p>(二) 这是不是中药</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 形容词谓语句</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: <p>[1]: Trang 110 - 115.</p> <p>[4]: Trang 31 -35</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	(二) 怎么问 (3) : 正反问句 (三) “的” 字词组 五、语音 (一) 词重音 (3) (二) 语调 (3) 六、练习		+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 116 - 123.	
2	第十四课 你的车是新的还是旧的? Mục tiêu bài: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại, độc thoại giới thiệu được đồ vật yêu thích. Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 您身体好吗 (二) 你的车是新的还是旧的 二、生词 三、注释 (一) 有一点儿忙	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Đóng vai. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 124 -130. [3]: Bài 4, mục 3 trang 36. [3]: Bài 12, mục 3 trang 103, mục 4 trang 104. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>(二) 啊, 在那儿呢</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 主语谓语句 (1)</p> <p>(二) 怎么问 (4): 选择问句: ...还是...?</p> <p>(三) 怎么问 (5): 省略问句: "...呢?"</p> <p>五、语音</p> <p>(一) 选择问句的语调</p> <p>(二) 省略问句的语调</p> <p>六、练习</p>		<p>dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập:</p> <p>[1]: Trang 130 -136.</p>	
3	<p>第十五课: 你们公司有多少职员</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu chữ “有”; cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại, độc thoại giới thiệu được về gia đình. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 你家有几口人</p> <p>(二) 你公司有多少职员</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	二、生词 三、注释 (一) 我只有两个弟弟 (二) 一百多个 (三) 不都是外国职员 四、语法 (一) “有”字句 (二) 称数法 (三) 询问数量 (四) 数量词组 五、语音 六、练习		+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 137 - 144. [3]: Trang 42 - 50. + Luyện nghe: [1]: Bài 15 trang 137 - 140. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 141 - 151.	
4	第十六课: 你常去图书馆吗 Mục tiêu bài: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo trạng ngữ chỉ thời gian, liên từ “或者” và “还是”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại, độc thoại giới thiệu được về hoạt động ở thư viện. Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 你常去图书馆吗? (二) 晚上你常做什么?	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 1 - 7. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	二、生词 三、注释 (一) 你跟我一起去, 好吗 (二) 咱们走吧 (三) 吧 四、语法 (一) 时间词语作状语 (二) “还是” 和 “或者” 五、语音: 句重音 六、练习 Kiểm tra giữa học phần		+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 8 - 13.	
5	第十七课: 他在做什么呢 Mục tiêu bài: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu động từ 2 tân ngữ, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại, độc thoại giới thiệu được về những hoạt động đang xảy ra. Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 他在做什么呢 (二) 谁教你们语 二、生词	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 14 - 20.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>三、注释</p> <p>(一) 怎么去呢</p> <p>(二) 行</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 动作的进行</p> <p>(二) 双宾语句</p> <p>(三) 询问动作行为的方式: 怎么+动词</p> <p>五、语音</p> <p>六、练习</p>		<p>[3]: Trang 110 - 113.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 21 - 27.</p>	
6	<p>第十八课: 我去邮局寄包裹</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo câu liên động. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại, độc thoại giới thiệu được các hoạt động ở bưu điện. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 我去邮局寄包裹</p> <p>(二) 外贸代表团明天去上海参观</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: <p>[2]: Trang 28 - 32.</p> <p>[3]: Trang 60 - 62.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>(一) 你顺便替我买几张邮票吧</p> <p>(二) 没问题</p> <p>四、语法：连动句</p> <p>五、语音：逻辑重音</p> <p>六、练习</p>		<p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 33 - 39.</p>	
7	<p>第十九课: 可以试试吗?</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng, đặt được câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo động từ lặp lại, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Áp dụng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp làm được bài tập trong học phần. - Hội thoại, độc thoại về chủ đề mua quần áo. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 可以试试吗?</p> <p>(二) 便宜一点儿吧</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一) 人民币的单位</p> <p>(二) 太少了</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: <p>[2]: Trang 40 - 46.</p> <p>[3]: Trang 71 - 76.</p> <p>[4]: Trang 48 - 51.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	四、语法 (一) 动词重叠 (二) 又.....又..... (三) “一点儿”和“有点儿” 五、语音 (一) 词重音 (二) 语调 六、练习		dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 47 - 53.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

PHÓ BỘ MÔN

Nguyễn Thị Hoa